

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK MIL  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28/03/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh và ông Nguyễn Duy Chấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 179/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2023 v/v xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXX-ST ngày 13/03/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị H**, sinh năm 1982; Địa chỉ: **Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông** – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Võ Phan H1**, sinh năm 1967; Địa chỉ: **Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông** – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, chị **Võ Thị H** (nguyên đơn) trình bày: Chị và anh **Võ Phan H1** có đăng ký kết hôn ngày 18/09/2006 tại **UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông**. Hôn nhân của anh chị hoàn toàn tự nguyện. Anh chị có ba con chung là cháu **Võ Thị Thùy L**, sinh ngày 25/07/2007, cháu **Võ Anh T**, sinh ngày 03/6/2011 và cháu **Võ Mỹ Hồng D**, sinh ngày 17/8/2015. Về nguyên nhân mâu thuẫn do anh **H1** thường xuyên đánh đập, xúc phạm chị; anh **H1** ham mê cờ bạc, chơi bời, rượu chè và có mối quan hệ với người khác; các con cũng thường xuyên bị anh **H1** đánh đập. Cuộc sống hôn nhân của anh chị không được yên ổn, dần chị không còn tình cảm với anh, anh chị đã sống ly thân với nhau hơn 04 năm. Vì vậy chị **H** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Võ Phan H1**.

Về con chung: Chị **H** có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục ba con chung là cháu **Võ Thị Thùy L**, sinh ngày

25/07/2007, cháu **Võ Anh T**, sinh ngày 03/6/2011 và cháu **Võ Mỹ Hồng D**, sinh ngày 17/8/2015 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh **Võ Phan H1** (bị đơn) trình bày: Anh và chị **Võ Thị H** có đăng ký kết hôn ngày 18/09/2006 tại **UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**. Hôn nhân của anh chị hoàn toàn tự nguyện. Anh chị có ba con chung là cháu **Võ Thị Thùy L**, sinh ngày 25/07/2007, cháu **Võ Anh T**, sinh ngày 03/6/2011 và cháu **Võ Mỹ Hồng D**, sinh ngày 17/8/2015. Trong cuộc sống hôn nhân thì gia đình nào cũng có mâu thuẫn. Mâu thuẫn của anh và chị **H** là do sức khỏe của anh **H1** không đảm bảo, anh **H1** không thể chăm sóc cho chị **H** và các con nên chị **H** có người khác và xin ly hôn với anh, do đó với yêu cầu khởi kiện của chị **H** thì anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu trong trường hợp chị **H** cương quyết ly hôn và các con cũng đồng ý ở với chị **H** thì anh **H1** đồng ý giao ba con chung cho chị **H** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị **Võ Thị H** được ly hôn với anh **Võ Phan H1**.

Về con chung: Giao ba con chung là cháu **Võ Thị Thùy L**, sinh ngày 25/07/2007, cháu **Võ Anh T**, sinh ngày 03/6/2011 và cháu **Võ Mỹ Hồng D**, sinh ngày 17/8/2015 cho chị **H** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **H** không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị **Võ Thị H** phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **1. Về thủ tục tố tụng:**

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị **Võ Thị H** yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh **Võ Phan H1**, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại **thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị **Võ Thị H** và anh **Võ Phan H1** vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên chị **H** và anh **H1** đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

## **2. Về nội dung vụ án:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2006 ngày 18/9/2006 được đăng ký tại **UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**. Do đó, hôn nhân giữa chị **H** và anh **H1** là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương **thôn B, xã Đ**: Chính quyền địa phương cho biết, giữa chị **H** và anh **H1** có mâu thuẫn, anh **H1** thường xuyên rượu chè, đánh đập chị **H** và các con và có mối quan hệ với người khác. Hội đồng xét xử thấy việc anh **H1** thường xuyên đánh đập chị **H** thể hiện hôn nhân giữa chị **H** và anh **H1** mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến hôn nhân thật sự không đạt được mục đích. Do đó, cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Võ Thị H** là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2. Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị **Võ Thị H** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, các cháu cũng có nguyện vọng được ở với chị **H**; trong trường hợp chị **H** cương quyết ly hôn thì anh **H1** đồng ý giao ba con chung cho chị **H** chăm sóc. Hiện tại, chị **H** đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ba con chung trong thời gian hai vợ chồng sống ly thân. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao ba con chung cho chị **H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp để tránh làm ảnh hưởng, xáo trộn cuộc sống của các cháu.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3. Về án phí:** Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị **Võ Thị H** phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Võ Thị H** “Về việc xin ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Võ Thị H** được ly hôn với anh **Võ Phan H1**.

2. Về con chung: Giao cháu **Võ Thị Thùy L**, sinh ngày 25/07/2007, cháu **Võ Anh T**, sinh ngày 03/6/2011 và cháu **Võ Mỹ Hồng D**, sinh ngày 17/8/2015 cho chị **H** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Anh **Võ Phan H1** được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, chị **Võ Thị H** không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục các cháu.

Trong trường hợp một bên lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của bên kia thì người bị vi phạm có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người vi phạm.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng.

4. Về án phí: Chị **Võ Thị H** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001608 ngày 09/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đức Minh, huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)

Nguyễn Thế Thắng